

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **19** /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **07** tháng **01** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Thiết kế mẫu Trung tâm văn hóa xã,
Nhà văn hóa thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2013/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1033/TTr-SXD-HTKT ngày 26/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế mẫu “Trung tâm văn hóa xã, Nhà văn hóa thôn” để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, với những nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Thiết kế mẫu Trung tâm văn hóa xã, Nhà văn hóa thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng Trung tâm văn hóa xã, nhà văn hóa thôn nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất cho việc sinh hoạt văn hóa cũng như hội họp, tổ chức

các sự kiện trong xã, thôn, làm địa điểm tuyên truyền phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

3. Quy mô và giải pháp thiết kế:

3.1. Quy mô:

a. Nhà văn hóa thôn áp dụng cho các thôn thuộc vùng đồng bằng (NVHT-01).

Công trình cấp III, 01 tầng. Chiều cao $H=6,9\text{m}$; tổng diện tích xây dựng $197,58\text{ m}^2$, quy mô hội trường 120 chỗ.

b. Nhà văn hóa thôn áp dụng cho các thôn thuộc vùng miền núi (NVHT-02).

Công trình cấp III, nhà sàn 01 tầng. Chiều cao $H=8,73\text{m}$; tổng diện tích sàn $141,88\text{ m}^2$, quy mô hội trường 90 chỗ.

c. Trung tâm văn hóa xã áp dụng cho các xã thuộc vùng đồng bằng (TTVHX-01).

Công trình cấp III, 01 tầng. Chiều cao $H=7,68\text{m}$; tổng diện tích xây dựng $402,15\text{ m}^2$, quy mô hội trường 220 chỗ.

d. Trung tâm văn hóa xã áp dụng cho các xã thuộc vùng miền núi (TTVHX-02).

Công trình cấp III, nhà sàn 01 tầng. Chiều cao $H=8,96\text{m}$; tổng diện tích sàn $685,77\text{ m}^2$, quy mô hội trường 150 chỗ.

3.2. Giải pháp thiết kế:

a. Nhà văn hóa thôn thuộc vùng đồng bằng (NVHT-01).

- Kiến trúc: Nền lát gạch granit KT: 400×400 ; bậc cấp mài granitô; tường hoàn thiện bả matít sơn 3 nước; mái lợp tôn sóng dày 0,42 ly, xà gồ thép hộp KT: $40\times 80\times 1,4$ ly, vì kèo thép CT3, liên kết hàn; cửa đi, cửa sổ, hoa sắt bằng thép.

- Kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép (BTCT) cấp độ bền M200; cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền M200; móng tường, móng vỉa xây B10 M75; tường bao che, tường ngăn dùng gạch không nung dày 11cm, 15cm vữa xi măng M50.

b. Nhà văn hóa thôn áp dụng cho các thôn thuộc vùng miền núi (NVHT-02).

- Kiến trúc: Tầng hầm để trống, nền bê tông xi măng mác 50 dày 100, láng vữa xi măng mác 75, đánh màu bằng XMNC. Sàn tầng 1 lát gạch granit

KT: 600x600; bậc thang, lan can mài granitô; tường hoàn thiện bả matít sơn 3 nước; mái lợp tôn múi dày 0,42 ly, xà gồ thép hộp KT: 40x80x1,4ly; cửa đi, cửa sổ gỗ nhóm II.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền M200; cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền M200; tường bao che, tường ngăn dùng gạch không nung dày 15cm vữa xi măng M50.

c. Trung tâm văn hóa xã áp dụng cho các xã thuộc vùng đồng bằng (TTVHX-01).

- Kiến trúc: Nền lát gạch granit KT: 600x600; bậc cấp mài granitô; tường hoàn thiện bả matít sơn 3 nước; mái lợp tôn sóng dày 0,42 ly, xà gồ thép hộp KT: 45x90x1,5ly, vì kèo thép CT3, liên kết hàn; cửa đi, cửa sổ gỗ nhóm II.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT cấp độ bền M200; cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền M200; móng tường, móng vỉa xây Bê tông M75; tường bao che, tường ngăn dùng gạch không nung dày 11cm, 15cm, 22cm vữa xi măng M50.

d. Trung tâm văn hóa xã áp dụng cho các xã thuộc vùng miền núi (TTVHX-02).

- Kiến trúc: Tầng hầm bố trí khu vệ sinh với diện tích 48,72 m², phần còn lại để trống. Nền khu vệ sinh lát gạch chống trượt KT 250x250, tường ốp gạch men KT 250x400. Sàn tầng 1 gạch Ceramic KT 600x600; bậc thang, lan can mài granitô; tường hoàn thiện bả matít sơn 3 nước; Mái lợp tôn múi dày 0,42 ly, xà gồ thép hộp KT: 40x80x1,4ly, vì kèo thép CT3, liên kết hàn; cửa đi, cửa sổ gỗ nhóm II.

- Kết cấu: Sử dụng móng đơn BTCT cấp độ bền M200; cột, dầm, sàn BTCT cấp độ bền M200; móng tường, móng vỉa xây Bê tông M75; tường bao che, tường ngăn dùng gạch không nung dày 15cm, vữa xi măng M50.

4. Giá thành xây dựng: Giá thành xây dựng công trình được xây dựng trên cơ sở định mức nguyên, vật liệu, đơn giá nhân công, máy thi công theo chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước dùng trong xây dựng cơ bản, cụ thể như sau:

a. Mẫu Nhà văn hóa thôn thuộc vùng đồng bằng (NVHT-01).

Tổng mức đầu tư: **1.006.488.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ không trăm linh sáu triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 826.045.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 18.954.000 đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 51.446.000 đồng
- Chi phí khác: 62.115.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 47.928.000 đồng

b. Mẫu Nhà văn hóa thôn thuộc vùng miền núi (NVHT-02).

Tổng mức đầu tư: **960.522.000 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 783.997.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 17.989.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 48.827.000 đồng
- Chi phí khác: 64.970.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 45.739.000 đồng

c. Mẫu Trung tâm văn hóa xã thuộc vùng đồng bằng (TTVHX-01).

Tổng mức đầu tư: **2.195.249.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.801.032.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 41.325.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 112.168.000 đồng
- Chi phí khác: 136.188.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 104.536.000 đồng

d. Mẫu Trung tâm văn hóa xã thuộc vùng miền núi (TTVHX-02).

Tổng mức đầu tư: **1.240.597.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.014.813.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 23.285.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 63.202.000 đồng
- Chi phí khác: 80.221.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 59.076.000 đồng

5. Phạm vi áp dụng:

Thiết kế mẫu trên được áp dụng cho các công trình thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và các công trình được lồng ghép với các chương trình, dự án khác trên phạm vi toàn tỉnh. Khuyến khích áp

dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn do các cá nhân, tổ chức tự nguyện đóng góp.

Điều 2. Giao Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thông báo, gửi Thiết kế mẫu “Trung tâm văn hóa xã, Nhà văn hóa thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện cho phù hợp với điều kiện thực tế tại các địa phương trên cơ sở tuân thủ theo đúng thiết kế mẫu.

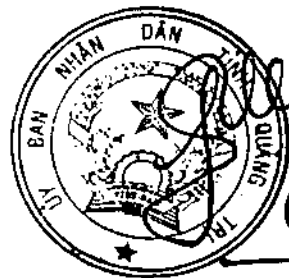
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CVP, PVP;
- Lưu VT, NNK, CNP, VXT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính